

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách
thị xã thực hiện trong năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai: số 279/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021; số 299/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 (đợt 2); số 48/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) và cho ý kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai: số 709/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021; số 122/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 (đợt 2); số 505/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3);

Căn cứ Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 04/6/2021 của HĐND thị xã về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách thị xã năm 2021;

Căn cứ các Quyết định của UBND thị xã: số 265/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 về việc chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư; số 1166/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách thị xã năm 2021;

Theo đề xuất của phòng Tài chính – Kế hoạch tại Báo cáo số 472/BC-TCKH ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc đề xuất phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách thị xã thực hiện trong năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách thị xã năm 2021 như sau:

1. Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp đầu tư

- Điều chỉnh giảm vốn giao 02 dự án: 371,196 triệu đồng.
- Điều chỉnh bổ sung 06 dự án, kế hoạch vốn giao bổ sung: 371,196 triệu đồng.

2. Tiền sử dụng đất năm 2021:

- Điều chỉnh giảm vốn giao 01 dự án: 584,818 triệu đồng.
- Điều chỉnh bổ sung 05 dự án, kế hoạch vốn giao bổ sung: 584,818 triệu đồng.

(Chỉ tiết vốn điều chỉnh theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch lập thủ tục điều chỉnh, nhập vốn đúng quy định; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tiếp nhận vốn giao; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ triển khai thực hiện, thanh toán, quyết toán theo đúng chế độ, quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước thị xã An Khê, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Các Ủy viên UBND thị xã;
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu : VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Vỹ



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 581 QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND thị xã An Khê)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 hoặc chuyển nguồn		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Ghi chú
									Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	
TỔNG CỘNG																		
1	NGÀNH GIAO THÔNG									47.684,774	47.684,774	23.458,423	6.701,950	23.458,423		23.458,423		
1.1	Ngân sách tỉnh phân cấp									21.862,907	21.862,907	3.154,423	6.277,340	3.154,423		3.399,587		
	Điều chỉnh giảm									15.362,907	15.362,907	3.154,423	6.277,340	3.154,423		3.178,066		
										9.442,478	9.442,478	3.154,423	6.202,340	3.154,423		2.939,958		
1	Trường Mẫu giáo Sơn Ca, Hàng mục, 06 phòng học, 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng giáo dục thể chất, nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ	An Bình	Kho bạc tỉnh Gia Lai	BQL DAĐT XD	7787035	071	-Nhà học 06 phòng-nhà học giáo dục thể chất DTXD=411,4m2 -Nhà hành chính quản trị DTXD=234m2 -Nhà ăn-nhà bếp DTXD 241,1m2 -Nhà bảo vệ, công hàng rào, mái hiên, nhà xe, hệ thống điện, nước, PCCC -Khu sinh hoạt bán trú 178m2 -Phòng dạy tin học, GD nghề thuật 210m2	2020-2021	2533 QĐ-UBND ngày 15/12/2020	9.442,478	9.442,478	3.154,423	6.202,340	3.154,423		2.939,988		
	Điều chỉnh tăng									5.920,429	5.920,429		75,000			238,078		
1	Trường mẫu giáo Hoa Mĩ Hàng mục, Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ	Tây Sơn	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DAĐT XD	7878061	071	-Xây mới phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, công trình cấp III, DTXD 114m2 -Nhà ăn, nhà bếp, công trình cấp III, DTXD 184,6m2	2021	308 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	3.444,702	3.444,702		75,000			131,347		
2	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ Hàng mục, Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	Ngô Mây	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DAĐT XD	7902697	071	Công trình cấp III, Diện tích xây dựng 180m2	2021	306 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.049,675	1.049,675					48,380		

Handwritten signature

S TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chức vụ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (logi, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 hoặc chuyển nguồn			Chức vụ
									Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó	
3	Trường trung học cơ sở Trưng Vương Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp 04 phòng học, thư viện, phòng truyền thống đoàn đội, sửa chữa, xây mới hàng rào	An Tân	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DA ĐT XD	7902693	073	-Cải tạo, nâng cấp 04 phòng học, thư viện, phòng truyền thống đoàn đội -Xây mới hàng rào: L=304,427m	2021	307 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.426.052	1.426.052			58.351			
I.2	Tiến sử dụng đất năm 2021									6.500.000	6.500.000			221.521			
I	Trường tiểu học Ngô Mây (Cơ sở tại Tổ 3, phường An Phú) Hạng mục: Xây mới 12 phòng học, Sửa chữa 04 phòng học, hành chính quản trị	An Phú	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DA ĐT XD	7902704	072	-Xây mới 12 phòng học: cấp III; 02 tầng: DTXD: 481m ² . -Sửa chữa 04 phòng hành chính quản trị -Nhà vệ sinh: DTXD 112m ²	2021-2022	288 QĐ-UBND ngày 04/02/2021	6.500.000	6.500.000			221.521			
II	NGÂN GIAO THỐNG									23.783.092	23.783.092	22.304.000	325.000	19.925.718			
II.1	Ngân sách tỉnh phân cấp năm 2021									5.920.000	5.920.000	5.474.000	60.000	5.317.239			
	Điều chỉnh giảm									5.920.000	5.920.000	5.474.000	60.000	5.317.239			
I	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Đình Giót) Hạng mục: Sửa chữa mặt đường, bỏ vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	An Bình	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DA ĐT XD	7878068	309	Tổng chiều dài tuyến L=694,46m, sửa chữa mặt đường hiện trạng bằng BTXM và láng nhựa, Bỏ vỉa, đan rãnh hệ thống xi măng, Hệ thống thoát nước dọc bằng mương xây đá hộc, dầy đan BTCT	2021	297 QĐ-UBND ngày 05/02/2021	5.920.000	5.920.000	5.474.000	60.000	5.317.239			
II.2	Tiến sử dụng đất năm 2021									17.863.092	17.863.092	16.830.000	265.000	14.608.479			
	Điều chỉnh giảm									10.500.000	10.500.000	10.200.000	90.000	9.615.182			
I	Đường Nguyễn Lữ (đoạn từ đường Ngô Thi Nhâm đến đường Võ Thị Sáu) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bỏ vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	Kho bạc NN thí xã	BQL DA ĐT XD	7878065	309	L=1.208,09m; mở rộng mặt đường, sửa chữa cục bộ mặt đường BTXM, Bỏ vỉa, đan rãnh hệ thống xi măng, Hệ thống thoát nước dọc bằng mương xây đá hộc, dầy đan BTCT	2021	298 QĐ-UBND ngày 05/02/2021	10.500.000	10.500.000	10.200.000	90.000	9.615.182			

S TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chức vụ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 hoặc chuyển nguồn		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Ghi chú
									Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	
1	Đường Nguyễn Lữ (đoạn từ đường Ngô Thị Nhâm đến đường Võ Thị Sáu) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bố vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7878065	309	L=1.208,09m; mở rộng mặt đường, sửa chữa cục bộ mặt đường BTXM. Bố vỉa, đan rãnh bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc băng đường xây đá hộc, đầy đan BTCT	2021	298 QĐ-UBND ngày 05/02/2021	10.500.000	10.500.000	90.000	10.200.000	9.615,182			
	Điều chỉnh tăng									7.363,092	7.363,092	175.000	4.630,000	4.993,297			
1	Đường Trần Đại Nghĩa (đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến đường Trần Phú) Hạng mục: Nền, mặt đường, bố vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7878067	309	L=363,61m, Bv=10m, Bm=5,0m. Mặt đường BTXM, Bố vỉa, đan rãnh bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc băng đường xây đá hộc, đầy đan BTCT	2021	303 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	2.336,431	2.336,431	35.000	2.200,000	2.257,570			
2	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Trần Hưng Đạo) Hạng mục: Bố vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7878063	309	L=539,79m; Bố vỉa, đan rãnh bê tông xi măng đá 1x2 mức 200, hệ thống thoát nước dọc băng đường xây đá hộc, đầy đan BTCT kích thước 50x70cm	2021	304 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	2.074,528	2.074,528	50.000	1.950,000	1.994,338			
3	Đường Ngô Thị Nhâm (đoạn từ đường Đỗ Trạc đến đường Quang Trung) Hạng mục: Bố vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	An Phú, Tây Sơn	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7878062	309	L=242,49m; Bố vỉa, đan rãnh bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc băng đường xây đá hộc, đầy đan BTCT	2021	305 QĐ-UBND ngày 08/02/2021	566,860	566,860	60.000	480,000	506,860			
4	Đường Phan Chu Trinh (đoạn từ đường Trần Quang Diệu đến đường Lê Lai) Hạng mục: Sửa chữa mặt đường	An Phú	Kho bạc Nhà nước An Khê	BQL DA ĐTXD	7877867	309	Tổng chiều dài tuyến L=862m, sửa chữa cục bộ nền đường, thảm bê tông nhựa toàn tuyến	2021	287 QĐ-UBND ngày 04/02/2021	2.385,273	2.385,273	30.000	2.000,000	234,529			
III	HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC									2.038,775	2.038,775	99,610	1.766,000	133,118			
III.1	Ngân sách tỉnh phân cấp năm 2021									2.038,775	2.038,775	99,610	1.766,000	133,118			
	Điều chỉnh tăng									2.038,775	2.038,775	99,610	1.766,000	133,118			

NCT

S TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (logi, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 hoặc chuyển nguồn		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Ghi chú
									Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	
1	Trụ sở HĐND và UBND xã Xuân An Hạng mục: Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự	Xuân An	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7668995	341	Cấp IV, 4 phòng, ĐTXD 160m ²	2016-2021	2832 QĐ-UBND ngày 31/12/2020	690,000	690,000	597,000	40,000	44,314				
2	Trụ sở HĐND và UBND phường An Phước Hạng mục: Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự	An Phước	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7668993	341	Cấp IV, 4 phòng, ĐTXD 160m ²	2016-2021	2831 QĐ-UBND ngày 31/12/2020	680,830	680,830	594,000	25,826	42,951				
3	Trụ sở HĐND và UBND phường Ngô Máy Hạng mục: Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự	Ngô Máy	Kho bạc NN thị xã	BQL DA ĐTXD	7668994	341	Cấp IV, 4 phòng, ĐTXD 160m ²	2016-2021	2830 QĐ-UBND ngày 31/12/2020	667,945	667,945	575,000	33,784	45,853				

Handwritten signature